

Số: 3298 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố dữ liệu an toàn thực phẩm và ban hành Hướng dẫn kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu an toàn thực phẩm thay thế giấy tờ trong giải quyết thủ tục hành chính

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 2 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu y tế;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09:2025/BCA về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 33/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ Y tế quy định quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành y tế;

Căn cứ Nghị định số 313/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 08 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1661/QĐ-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục và cấu trúc trường thông tin dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm trong hệ thống quản lý của ngành Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm và Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu An toàn thực phẩm (CSDL ATTP) được chia sẻ quy định tại Quyết định này đủ điều kiện khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ là: (1) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm/GMP; (2) Giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố sản phẩm; (3) Giấy xác nhận nội dung quảng cáo an toàn thực phẩm; (4) Thông tin tài khoản tổ chức/cá nhân (dữ liệu công khai BM1); (5) Thông tin sản phẩm tự công bố trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến an toàn thực phẩm.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu kết nối, chia sẻ

1. Mục tiêu: Thay thế hoặc cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính liên quan đến an toàn thực phẩm bằng việc khai thác hoặc sử dụng dữ liệu tương ứng có trong Cơ sở dữ liệu An toàn thực phẩm

2. Yêu cầu

- Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dữ liệu;

- Tuân thủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu theo cơ chế OAuth 2.0 + Bearer Token và các nguyên tắc quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị;

- Phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế.

Điều 3. Ban hành kèm theo Quyết định này Tài liệu hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu An toàn thực phẩm quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương (kèm Phụ lục I - Danh mục thủ tục hành chính và ánh xạ dữ liệu thay thế giấy tờ).

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực; các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở khai thác dữ liệu có trong Cơ sở dữ liệu An toàn thực phẩm quốc gia, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP.

2. Đảm bảo kết nối phù hợp để thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu an toàn thực phẩm theo yêu cầu quản lý nhà nước và theo quy định pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Hồ sơ thủ tục hành chính đã tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục giải quyết theo quy định tại thời điểm được tiếp nhận hồ sơ.

Điều 6. Các Ông/bà: Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm; Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Tổ công tác triển khai Đề án 06 CP;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng Bộ Y tế;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để p/h);
- UBND các tỉnh, thành phố (để p/h);
- Lưu: VT, TTYQG, ATTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

HƯỚNG DẪN
KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU GIỮA CƠ SỞ DỮ LIỆU AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ
HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(kèm theo Quyết định số 3298/QĐ-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Bộ Y tế)
Phiên bản 1.0

I. TỔNG QUAN

1. Mục đích

Hướng dẫn kết nối, khai thác dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu An toàn thực phẩm quốc gia (CSDL ATTP) và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành, địa phương thông qua Nền tảng tích hợp dữ liệu quốc gia (NDXP) hoặc Nền tảng tích hợp chia sẻ cấp Bộ, tỉnh (LGSP).

2. Thuật ngữ và các từ ngữ viết tắt

ST T	Thuật ngữ/Chữ viết tắt	Mô tả
1.	CSDL ATTP	Cơ sở dữ liệu An toàn thực phẩm
2.	Cục ATTP	Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế (Cơ quan chủ quản CSDL ATTP)
3.	TTYQG	Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia - Bộ Y tế (Đơn vị quản lý vận hành kỹ thuật)
4.	NDXP / LGSP	Nền tảng tích hợp dữ liệu quốc gia / Nền tảng tích hợp chia sẻ cấp Bộ, tỉnh
5.	API	Application Programming Interface – Giao diện lập trình ứng dụng
6.	RESTful API	Kiến trúc API theo chuẩn REST (Representational State Transfer), trả dữ liệu dạng JSON
7.	OAuth 2.0	Giao thức xác thực, ủy quyền tiêu chuẩn quốc tế; CSDL ATTP sử dụng Bearer Token
8.	QRC	Mã tra cứu xác thực (Query Reference Code) - định danh duy nhất mỗi lần tra cứu API thành công
9.	UAT	User Acceptance Testing - Kiểm thử nghiệm thu người dùng trên môi trường Sandbox
10.	GCN ATTP/GMP	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm / Giấy chứng nhận GMP
11.	TTHC	Thủ tục hành chính
12.	SLA	Service Level Agreement - Thỏa thuận mức độ dịch vụ

II. THIẾT KẾ SƠ BỘ

1. Kiến trúc tổng thể Hệ thống

Kiến trúc tổng thể của hệ thống gồm:

- **Gateway API của CSDL ATTP:**

- + Cấp phát API cho Hệ thống NDXP qua môi trường Internet.
- + Trả dữ liệu cho Hệ thống NDXP dưới dạng JSON, tuân thủ QCVN 09:2025/BCA.
- + Cơ chế bảo mật: Mã hóa dữ liệu trên đường truyền qua giao thức TLS 1.3; xác thực định danh qua OAuth 2.0 + Bearer Token.

- Hệ thống NDXP:

- + Đóng vai trò Client, gọi dữ liệu tới Gateway API của CSDL ATTP.
- + Đóng vai trò trung gian xử lý các kết nối từ các LGSP của các Bộ ngành/địa phương.

- Hệ thống LGSP của Bộ, ngành, địa phương:

- + Gọi dữ liệu tới Hệ thống NDXP thông qua API Gateway.
- + Xử lý các kết nối từ các hệ thống thông tin một cửa điện tử của đơn vị.

2. Phương pháp trao đổi

Trao đổi thông tin thông qua công nghệ RESTful API. Gateway API của CSDL ATTP cung cấp API. Hệ thống NDXP đóng vai trò Client gọi các API để lấy dữ liệu và trả về cho Hệ thống thông tin tại đơn vị.

3. Quy trình trao đổi dữ liệu

Bước 1: Khi có nhu cầu, Hệ thống một cửa điện tử tại đơn vị kiểm tra thời hạn Bearer Token; nếu còn lại < 5 phút, tự động gọi /api/auth/refresh để gia hạn token;

Bước 2: Hệ thống gọi API 1 hoặc API 2 để tra cứu, xác minh tư cách pháp nhân và thông tin chi tiết tổ chức/cá nhân;

Bước 3: Tùy theo loại TTHC, hệ thống gọi API 3–8 hoặc API 10–11 theo bảng ánh xạ tại Phụ lục I;

Bước 4: Hệ thống NDXP xác minh yêu cầu, xác minh bảo mật và truyền thông điệp lên Gateway API CSDL ATTP để lấy dữ liệu;

Bước 5: Toàn bộ JSON response cùng Mã tra cứu xác thực (QRC) và timestamp (GMT+7) được lưu trực tiếp vào hồ sơ điện tử; cán bộ không in giấy tờ ra bản cứng;

Bước 6: Xử lý ngoại lệ: Lỗi 404 → chuyển quy trình dự phòng nhận bản sao chứng thực; Lỗi 5xx → tạm nhận bản sao giấy, ghi timestamp và gửi thông báo sự cố về TTYQG.

III. ĐẶC TẢ KỸ THUẬT HỆ THỐNG API CSDL ATTP

1. Bảng thông số kỹ thuật cốt lõi

Thông số kỹ thuật	Quy định đặc tả kỹ thuật hệ thống API CSDL ATTP
Kiểu kiến trúc API	RESTful API chuẩn quốc tế
Giao thức bảo mật	HTTPS (bắt buộc mã hóa TLS 1.3)
Định dạng dữ liệu	JSON (UTF-8), tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09:2025/BCA
Mã tra cứu xác thực (QRC)	Trường "queryRef" (VD: QRC-20260921-A7F2B4C9) trả về trong mọi response thành công để lưu hồ sơ
Cơ chế xác thực	OAuth 2.0 + Bearer Token (Header: Authorization: Bearer <access_token>)
Thời hạn Token	accessToken: 10.800 giây (180 phút); refreshToken: 10 ngày (gia hạn qua /api/auth/refresh)
Định dạng Ngày - Giờ	Datetime: YYYY-MM-DDThh:mm:ss (GMT+7); Date: YYYY-MM-DD
URL Môi trường Production	https://gateway-api-antoanthucpham.moh.gov.vn/
URL Môi trường Sandbox	Hiện chưa có môi trường sandbox

Giới hạn tần suất (Rate limit)	API có xác thực: 200 requests/phút/tài khoản; API công khai (7/8): 60 requests/phút/IP
--------------------------------	--

2. Danh sách RESTful APIs kết nối CSDL ATTP quốc gia

ST T	Tên API	Phương thức	Đường dẫn (Path)	Cấp độ bảo mật
0	Lấy token xác thực (Authentication)	POST	/api/auth/login	—
1	Chia sẻ danh sách cá nhân/doanh nghiệp	GET	/api/identity/chia-se/tai-khoan	BM1 / BM2
2	Chia sẻ chi tiết cá nhân/doanh nghiệp	GET	/api/identity/chia-se/tai-khoan/{id}	BM2 (Chỉ CQ có thẩm quyền)
3	Danh sách GCN Cơ sở đủ điều kiện ATTP	GET	/api/attp/chia-se/giay-phep-co-so	BM2
4	Chi tiết GCN Cơ sở đủ điều kiện ATTP	GET	/api/attp/chia-se/giay-phep-co-so/{id}	BM2
5	Danh sách sản phẩm đăng ký công bố	GET	/api/attp/san-pham/chia-se/danh-sach?LoaiCongBo=1	BM2
6	Chi tiết sản phẩm đăng ký công bố	GET	/api/attp/san-pham/chia-se/{id}	BM2
7	Danh sách giấy xác nhận nội dung quảng cáo	GET	/api/attp/public/giay-xac-nhan-quang-cao	BM1 Công khai (No Token)
8	Chi tiết giấy xác nhận nội dung quảng cáo	GET	/api/attp/public/giay-xac-nhan-quang-cao/{id}	BM1 Công khai (No Token)
9	Đồng bộ mã doanh nghiệp (UDI)	POST	/api/identity/integration/udi/dong-bo-doanh-nghiep	BM2 (Gửi mã hóa)
10	Danh sách sản phẩm tự công bố	GET	/api/attp/san-pham/chia-se/danh-sach?LoaiCongBo=2	BM2
11	Chi tiết sản phẩm tự công bố	GET	/api/attp/san-pham/chia-se/{id}	BM2

IV. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ, KIỂM THỬ UAT VÀ CẤP QUYỀN KẾT NỐI API

Bước 1. Đăng ký kết nối: Cơ quan gửi Công văn đề nghị kết nối kèm danh mục API cần sử dụng và địa chỉ IP tĩnh về TTYQG - Bộ Y tế.

Bước 2. Thẩm định: TTYQG và Cục ATTP thẩm định hồ sơ trong 05 ngày làm việc. TTYQG cấp tài khoản trong 02 ngày làm việc kể từ khi có ý kiến của Cục ATTP. **Bước 4. Cấp tài khoản Production:** Sau khi có Biên bản nghiệm thu UAT, TTYQG cấp tài khoản Production trong thời hạn 02 ngày làm việc. Đơn vị vận hành thực tế tối thiểu 10 ngày làm việc trước khi áp dụng bắt buộc.

Đầu mối hỗ trợ kỹ thuật TTYQG:

- Đường dây nóng: 19008255 (nhánh 2) — Giờ hành chính (7h30-17h30);
- Email hỗ trợ tích hợp: nhic.hotro@moh.gov.vn;
- Kênh sự cố ngoài giờ (phản hồi trong 02 giờ): hotro-attp@moh.gov.vn.

V. BẢNG MÃ PHẢN HỒI LỖI HTTP VÀ HƯỚNG DẪN XỬ LÝ NGHIỆP VỤ

Mã lỗi HTTP	Ý nghĩa nghiệp vụ & Hướng dẫn xử lý kỹ thuật
400 Bad Request	Tham số truyền vào không hợp lệ. Kiểm tra lại cấu trúc Request Body hoặc Query Parameters.
401 Unauthorized	Token hết hạn hoặc không hợp lệ. Tự động gọi <code>/api/auth/refresh</code> bằng <code>refreshToken</code> để lấy access token mới. Nếu <code>refreshToken</code> hết hạn (30 ngày), đăng nhập lại qua <code>/api/auth/login</code> .
403 Forbidden	Chưa được cấp quyền truy cập phạm vi dữ liệu. Liên hệ TTYQG để kiểm tra phạm vi quyền hoặc gửi Cục ATTP phê duyệt bổ sung.
404 Not Found	Dữ liệu chưa có trong CSDL ATTP. Chuyển sang Quy trình dự phòng tiếp nhận bản sao giấy có chứng thực; không tính là lỗi của người nộp hồ sơ.
429 Too Many Requests	Vượt hạn mức 200 req/phút (có xác thực) hoặc 60 req/phút (công khai). Áp dụng exponential backoff (1s→2s→4s→max 30s). Liên hệ TTYQG nếu cần nâng hạn mức.
500 Internal Server Error	Hệ thống API gián đoạn: tạm thời chấp nhận bản sao giấy tờ, ghi chú timestamp vắng mặt CSDL trên hồ sơ điện tử và gửi thông báo sự cố về TTYQG (hotro-attp@moh.gov.vn).

PHỤ LỤC I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ ÁNH XẠ DỮ LIỆU THAY THẾ GIẤY TỜ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3298/QĐ-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BẢNG 1: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM (03 THỦ TỤC)

Ghi chú: Kết quả cấp mới Giấy tiếp nhận công bố và GCN GMP được lưu tự động vào CSDL ATTP làm dữ liệu tra cứu cho các TTHC tiếp theo.

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giấy tờ thay thế & API CSDL ATTP sử dụng
1	1001422	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới (Cấp bộ)	• GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP/GMP (API 3/4) • Thông tin pháp lý doanh nghiệp (API 1/2) • Bản công bố cũ còn hiệu lực đối với hồ sơ gia hạn (API 5/6)
2	1001411	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới (Cấp bộ)	• Thông tin pháp lý doanh nghiệp nhập khẩu (API 1/2) • Bản công bố nhập khẩu cũ đối với hồ sơ gia hạn (API 5/6)
3	1008435	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Cấp bộ)	• Thông tin pháp lý doanh nghiệp sản xuất (API 1/2) • GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP còn hiệu lực (API 3/4) • GCN GMP lần cấp trước đối với hồ sơ cấp lại (API 3/4)

BẢNG 2: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH (13 THỦ TỤC)

Ghi chú 1: Sở An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh thực hiện tương tự Sở Y tế đối với các TTHC thuộc Bảng này.

Ghi chú 2: STT 13 (Mã 1006424) được phân cấp thẩm quyền từ Cục ATTP về Sở Y tế từ ngày 01/7/2026.

S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Giấy tờ thay thế & API CSDL ATTP sử dụng
1	1013855	Cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở dịch vụ ăn uống, sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	• Thông tin pháp lý doanh nghiệp/cơ sở (API 1/2) • GCN ATTP cơ sở lần cấp trước đối với hồ sơ gia hạn (API 3/4)
2	1013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	• GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở sản xuất (API 3/4) • Bản công bố sản phẩm hoặc Tự công bố sản phẩm (API 5/6, API 10/11)

3	1013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu	• GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở sản xuất (API 3/4) • Giấy tiếp nhận bản công bố sản phẩm (API 5/6)
4	1013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại CFS đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu	• CFS gốc đã cấp còn hiệu lực / GCN ATTP cơ sở (API 3/4) • Bản công bố sản phẩm gốc (API 5/6)
5	1013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng trẻ đến 36 tháng	• Bản công bố sản phẩm đã đăng ký/tự công bố (API 5/6, API 10/11) • Giấy xác nhận quảng cáo cũ (API 7/8)
6	1013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, chế độ ăn đặc biệt, dinh dưỡng trẻ đến 36 tháng	• Thông tin pháp lý doanh nghiệp nhập khẩu (API 1/2) • Bản công bố sản phẩm cũ (API 5/6)
7	1013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, chế độ ăn đặc biệt, dinh dưỡng trẻ đến 36 tháng	• GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở sản xuất (API 3/4) • Thông tin pháp lý doanh nghiệp (API 1/2) • Bản công bố cũ (API 10/11)
8	1013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm được tổ chức công nhận quốc tế đánh giá (ISO/IEC 17025)	• Thông tin pháp lý và năng lực cơ sở kiểm nghiệm (API 1/2 - BM1/BM2)
9	1013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	• Thông tin pháp lý và tư cách pháp nhân cơ sở kiểm nghiệm (API 1/2 - BM1/BM2)
10	1013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	• Thông tin cơ sở và phạm vi chỉ định hiện tại trong CSDL ATTP (API 1/2 - BM1/BM2)
11	1013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	• Quyết định chỉ định hiện hành còn hiệu lực (API 1/2 - BM1/BM2)
12	1013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	• Thông tin xác minh cơ sở kiểm nghiệm (API 1/2 - BM1/BM2)
13	1006424	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Cấp tỉnh từ 01/7/2026)	• Bản đăng ký công bố sản phẩm TPBVSK còn hiệu lực (API 5/6 - bắt buộc xác minh qua CSDL ATTP trước khi nhận hồ sơ) • Giấy xác nhận quảng cáo TPBVSK cũ (API 7/8)

BẢNG 3: THỦ TỤC KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ATTP NHẬP KHẨU (03 THỦ TỤC)

Ghi chú: Đối với dữ liệu BM2, cơ quan kiểm tra cần được Cục ATTP phê duyệt cấp độ truy cập trước khi sử dụng.

S T T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Dữ liệu tra cứu qua API CSDL ATTP
1	2001191	Kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu — phương thức kiểm tra chặt	Cơ quan chủ quản	• Bản đăng ký công bố sản phẩm nhập khẩu còn hiệu lực (API 5/6) • Thông tin doanh nghiệp nhập khẩu (API 1/2)
2	1002867	Kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu — phương thức kiểm tra thông thường	Cơ quan chủ quản	• Bản đăng ký công bố sản phẩm nhập khẩu còn hiệu lực (API 5/6) • GCN ATTP cơ sở sản xuất đã số hóa (API 3/4)
3	1003094	Kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu — phương thức kiểm tra giảm	Hải quan cửa khẩu	• Thông tin doanh nghiệp & lịch sử bản công bố/tự công bố sản phẩm nhập khẩu trong CSDL ATTP (API 1/2, API 5/6, API 10/11)

Ghi chú: BM1, BM2, BM3 được quy định tại Quyết định số 1661/QĐ-BYT ngày 09/6/2026 của Bộ Y tế ban hành Danh mục và cấu trúc trường thông tin dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm trong hệ thống quản lý của ngành Y tế;